

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
(đã được soát xét)

M.S.D. 100

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-35
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-35

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cần Thơ (công ty 100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 652/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1801319907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 19 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Bá	Ủy viên	
Ông Nguyễn Văn Phương	Ủy viên	
Ông Phạm Bá Ngân	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 27/06/2020
Ông Hoàng Việt	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 27/06/2020
Ông Phan Công Đức	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27/06/2020

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Phương	Quyền Tổng Giám đốc
Ông Tạ Khả Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Hồng Hải	Trưởng ban	
Ông Trịnh Thanh Tùng	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 27/06/2020
Ông Nguyễn Văn Hiền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/06/2020

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ được lập ngày 20 tháng 07 năm 2020, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, công ty kiểm toán và các kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần trên Báo cáo kiểm toán tại ngày 26/03/2020.

Báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, công ty kiểm toán và các kiểm toán viên đã đưa kết luận kiểm toán ngoại trừ trên Báo cáo soát xét giữa niên độ tại ngày 30/08/2019 về vấn đề chưa xem xét trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và chưa đủ cơ sở để đánh giá tính hợp lý về việc chưa ghi nhận đầy đủ lãi vay phải trả.

Vấn đề ngoại trừ này đã không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 của Công ty do Công ty đã xem xét và trích lập dự phòng đầy đủ trong năm 2019, đồng thời, Công ty cũng đã hoàn thành việc thu xếp các khoản nợ ngân hàng và được giảm lãi vay làm cơ sở cho việc không khi nhận lãi vay phải trả năm 2019.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

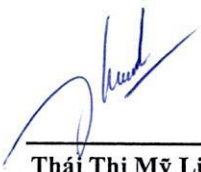
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		73.561.275.189	69.280.392.280
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	18.677.849.249	15.586.510.135
111	1. Tiền		10.224.020.364	13.556.314.857
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.453.828.885	2.030.195.278
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	8.787.350.000	8.787.350.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		8.787.350.000	8.787.350.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		40.604.322.605	42.364.902.731
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	26.462.571.598	29.127.217.799
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4.297.032.909	4.811.900.549
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	17.147.614.416	15.728.680.701
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.302.896.318)	(7.302.896.318)
140	IV. Hàng tồn kho	9	715.591.401	1.070.805.759
141	1. Hàng tồn kho		715.591.401	1.070.805.759
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.776.161.934	1.470.823.655
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	3.460.417.715	874.685.939
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.315.744.219	596.137.716
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		300.305.127.810	304.304.981.324
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		72.000.000	120.485.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	72.000.000	120.485.000
220	II. Tài sản cố định		218.825.108.074	222.963.721.557
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	213.921.022.041	217.958.991.620
222	- Nguyên giá		449.357.247.419	445.537.916.964
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(235.436.225.378)	(227.578.925.344)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	4.904.086.033	5.004.729.937
228	- Nguyên giá		8.055.335.602	8.055.335.602
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.151.249.569)	(3.050.605.665)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	74.004.038.784	73.318.854.447
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		74.004.038.784	73.318.854.447
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	4.497.251.573	4.497.251.573
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4.497.251.573	4.497.251.573
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.906.729.379	3.404.668.747
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2.906.729.379	3.404.668.747
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		373.866.402.999	373.585.373.604


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

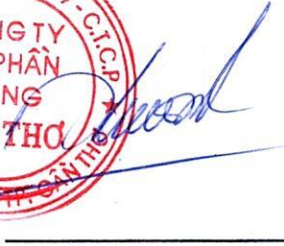
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		112.433.733.828	112.945.808.996
310	I. Nợ ngắn hạn		28.481.948.016	16.275.411.166
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	2.606.389.089	1.023.788.928
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		214.190.233	90.166.572
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	5.275.347.410	864.063.785
314	4. Phải trả người lao động		984.276.816	1.710.177.360
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.500.996.750	4.244.541.403
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	380.877.300	165.840.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	7.890.249.922	7.947.212.622
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	9.621.136.073	221.136.073
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		8.484.423	8.484.423
330	II. Nợ dài hạn		83.951.785.812	96.670.397.830
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	22.834.464.284	21.453.076.302
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	61.117.321.528	75.217.321.528
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		261.432.669.171	260.639.564.608
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	261.432.669.171	260.639.564.608
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		275.281.179.597	275.281.179.597
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		275.281.179.597	275.281.179.597
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		646.231.180	646.231.180
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(14.494.741.606)	(15.287.846.169)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(15.287.846.169)	(19.234.837.974)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		793.104.563	3.946.991.805
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		373.866.402.999	373.585.373.604


Thái Thị Mỹ Linh
Người lập


Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Phương
Q. Tổng Giám đốc



Cần Thơ, ngày 20 tháng 07 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng,
Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2020	2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	57.098.167.651	57.917.987.255
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		57.098.167.651	57.917.987.255
11	4. Giá vốn hàng bán	23	43.647.450.050	45.833.139.054
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.450.717.601	12.084.848.201
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	212.666.429	207.433.949
22	7. Chi phí tài chính	25	1.661.387.982	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.661.387.982	-
25	8. Chi phí bán hàng	26	399.836.669	713.193.838
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	10.808.837.356	10.692.808.349
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		793.322.023	886.279.963
31	11. Thu nhập khác		5.794.360	7.309
32	12. Chi phí khác		6.011.820	36.833.596
40	13. Lợi nhuận khác		(217.460)	(36.826.287)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		793.104.563	849.453.676
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>793.104.563</u>	<u>849.453.676</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		29	31

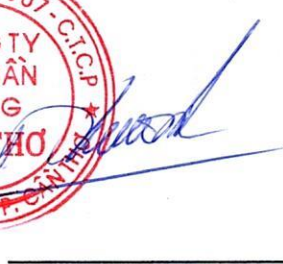


Thái Thị Mỹ Linh
Người lập



Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng





Nguyễn Văn Phương
Q. Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 20 tháng 07 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2020	2019
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		793.104.563	849.453.676
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		7.957.943.938	8.153.883.085
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(212.666.429)	(207.433.949)
06	- Chi phí lãi vay		1.661.387.982	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		10.199.770.054	8.795.902.812
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(45.891.996)	(4.219.474.832)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		355.214.358	108.329.717
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		2.526.536.850	(3.361.671.107)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.087.792.408)	(1.224.492.296)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	5.768.287
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(4.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		10.947.836.858	100.362.581
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.504.514.792)	(247.848.182)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.348.017.048	134.911.731
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.156.497.744)	(112.936.451)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(4.700.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(4.700.000.000)	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2020	2019
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		3.091.339.114	(12.573.870)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		15.586.510.135	9.130.574.639
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>18.677.849.249</u>	<u>9.118.000.769</u>



Thái Thị Mỹ Linh
Người lập

Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Phương
Q. Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 20 tháng 07 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cần Thơ (công ty 100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 652/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1801319907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 19 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 284.800.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 275.281.179.597 đồng; tương đương 27.528.118 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa đường bộ; Bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (kho ngoại quan);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Khai thuế hải quan;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Tổ chức nạo vét lòng sông, lòng hồ theo hợp đồng;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Trung tâm Logistics Cảng Sóc Trăng	Sóc Trăng	Cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng, cho thuê kho bãi
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Hoàng Diệu	Thành phố Cần Thơ	Cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng, cho thuê kho bãi

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng,
Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 47 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06 năm
- Tài sản cố định khác	02 - 14 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng,
Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

2.25 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh dịch vụ vận chuyển cảng và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.911.009.509	2.287.249.861
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.313.010.855	11.269.064.996
Các khoản tương đương tiền	8.453.828.885	2.030.195.278
	<u>18.677.849.249</u>	<u>15.586.510.135</u>

Tại ngày 30/06/2020, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 02 tháng có giá trị 8.453.828.885 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,7%/năm đến 4,0%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thới, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	8.787.350.000	-	8.787.350.000	-
	8.787.350.000	-	8.787.350.000	-

Tại ngày 30/06/2020, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng có giá trị 8.787.350.000 đồng được gửi tại ngân hàng thương mại với lãi suất 6,1%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty liên kết				
- Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	4.497.251.573	-	4.497.251.573	-
	4.497.251.573	-	4.497.251.573	-
	4.497.251.573	-	4.497.251.573	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2020 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	Trà Vinh	50,00%	50,00%	Dịch vụ vận chuyển cảng, cho thuê kho bãi

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng,
Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH Thanh Phương	2.085.635.497	-	1.747.847.070	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Trường Sơn	2.111.551.525	(726.719.173)	3.014.569.331	(726.719.173)
- Phải thu khách hàng khác	22.265.384.576	(5.390.132.617)	24.364.801.398	(5.390.132.617)
	26.462.571.598	(6.116.851.790)	29.127.217.799	(6.116.851.790)
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	14.586.000	-	119.077.200	-

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)***6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Trả trước cho người bán chi tiết theo đối tượng có số dư lớn				
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Bách Việt	1.863.115.200	-	1.876.191.200	-
Công ty TNHH Xây dựng Quân Đô	625.500.000	(625.500.000)	625.500.000	(625.500.000)
Trả trước cho người bán khác	1.808.417.709	(278.000.000)	2.310.209.349	(278.000.000)
	4.297.032.909	(903.500.000)	4.811.900.549	(903.500.000)
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
	13.000.000	-	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú, quận Cái Răng,
Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	3.892.185.443	-	4.542.185.443	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	485.350.619	-
Tạm ứng	7.031.275.373	-	4.579.380.149	-
Ký cược, ký quỹ	8.600.000	-	8.600.000	-
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV Công ty TNHH Thanh Phương	3.777.397.937	-	1.611.535.840	-
Phải thu khác	2.438.155.663	(282.544.528)	4.153.527.650	(282.544.528)
	17.147.614.416	(282.544.528)	15.728.680.701	(282.544.528)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	15.000.000	-
Phải thu khác	57.000.000	-	105.485.000	-
	72.000.000	-	120.485.000	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan				
	3.892.185.443	-	4.890.286.443	-

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)***8 . NỢ XẤU**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Trường Sơn	2.111.551.525	1.384.832.352	3.014.569.331	2.287.850.158
- Công ty Cổ phần Cơ khí Hàng hải Miền Bắc	600.000.000	63.500.000	1.173.000.000	636.500.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thúy Sơn - Hg	975.149.053	285.544.716	985.149.053	295.544.716
- Các khoản khác	7.236.584.428	1.886.511.620	5.669.322.228	319.249.420
	10.923.285.006	3.620.388.688	10.842.040.612	3.539.144.294

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng,
Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	40.417.401	-	26.913.736	-
Công cụ, dụng cụ	286.734.006	-	303.102.730	-
Hàng hoá	388.439.994	-	740.789.293	-
	715.591.401	-	1.070.805.759	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	74.004.038.784	73.318.854.447
- Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I (*)	59.433.908.642	59.433.908.642
- Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II (**)	14.570.130.142	13.592.491.259
- Công trình khác	-	292.454.546
	74.004.038.784	73.318.854.447

(*) Tên dự án: Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Cần Thơ;
- Mục đích xây dựng: San lấp mặt bằng 23,4ha, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;
- Địa điểm xây dựng: Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ;
- Tổng mức đầu tư: 230.346.967.886 đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Từ năm 2002 đến năm 2011;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 30/06/2020: Dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác đối với phần diện tích 9,5 ha, đối với phần diện tích đất còn lại dự án mới thực hiện việc san lấp mặt bằng và xây dựng bờ kè, chưa được đầu tư cơ sở hạ tầng cần thiết cho hoạt động của cảng.

() Tên dự án: Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II**

- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng phát triển Cảng Cái Cui với công suất từ 4,0 - 4,5 triệu tấn/ năm, tiếp nhận tàu trọng tải đến 20.000DWT, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;
- Địa điểm xây dựng: Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ;
- Tổng mức đầu tư: 829.799.174.000 đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai: Từ năm 2009;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 30/06/2020: Dự án mới triển khai được việc san lấp mặt bằng và thực hiện được một số hạng mục nhỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CÀN THO

Số 2, K/V Phú Thẳng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu năm	362.728.196.878	11.436.735.972	70.080.185.214	472.610.000	820.188.900	445.537.916.964						
- Mua trong kỳ	-	3.287.225.455	-	532.105.000	-	3.819.330.455						
Số dư cuối kỳ	362.728.196.878	14.723.961.427	70.080.185.214	1.004.715.000	820.188.900	449.357.247.419						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu năm	167.841.409.330	6.913.679.355	52.015.050.507	469.776.685	339.009.467	227.578.925.344						
- Khấu hao trong kỳ	5.827.659.344	390.671.117	1.564.935.838	30.547.115	43.486.620	7.857.300.034						
Số dư cuối kỳ	173.669.068.674	7.304.350.472	53.579.986.345	500.323.800	382.496.087	235.436.225.378						
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu năm	194.886.787.548	4.523.056.617	18.065.134.707	2.833.315	481.179.433	217.958.991.620						
Tại ngày cuối kỳ	189.059.128.204	7.419.610.955	16.500.198.869	504.391.200	437.692.813	213.921.022.041						

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 42.466.472.978 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng,
Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.803.335.602	252.000.000	8.055.335.602
Số dư cuối kỳ	<u>7.803.335.602</u>	<u>252.000.000</u>	<u>8.055.335.602</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.823.805.665	226.800.000	3.050.605.665
- Khấu hao trong kỳ	75.443.904	25.200.000	100.643.904
Số dư cuối kỳ	<u>2.899.249.569</u>	<u>252.000.000</u>	<u>3.151.249.569</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	4.979.529.937	25.200.000	5.004.729.937
Tại ngày cuối kỳ	<u>4.904.086.033</u>	<u>-</u>	<u>4.904.086.033</u>

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	773.865.585	432.379.209
Chi phí thuê cảng Sóc Trăng	1.680.000.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.006.552.130	442.306.730
	<u>3.460.417.715</u>	<u>874.685.939</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.031.772.887	842.743.657
Chi phí sửa chữa	1.142.772.049	1.481.441.281
Chi phí trả trước dài hạn khác	732.184.443	1.080.483.809
	<u>2.906.729.379</u>	<u>3.404.668.747</u>

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Phát triển Hiệp Phong	362.903.600	362.903.600	594.930.000	594.930.000
Công ty Cổ phần Nhật Việt	606.800.000	606.800.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	1.636.685.489	1.636.685.489	428.858.928	428.858.928
	<u>2.606.389.089</u>	<u>2.606.389.089</u>	<u>1.023.788.928</u>	<u>1.023.788.928</u>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	<u>87.465.113</u>	<u>87.465.113</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		762.442.050		2.619.929.106		1.316.234.095		-		2.066.137.061	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		964.035		-		-		-		964.035	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		100.657.700		3.198.698.856		91.110.242		-		3.208.246.314	
Các loại thuế khác	-		-		124.863.133		124.863.133		-		-	
	-		864.063.785		5.943.491.095		1.532.207.470		-		5.275.347.410	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
- Chi phí cước vận chuyển bốc xếp	649.908.620		3.649.031.764	
- Chi phí thuế kho	-		123.444.000	
- Chi phí thả phao rùa	393.064.050		-	
- Chi phí phải trả khác	458.024.080		472.065.639	
	1.500.996.750		4.244.541.403	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng,
Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Doanh thu cho thuê kho, cho thuê văn phòng	380.877.300	165.840.000
	<u>380.877.300</u>	<u>165.840.000</u>

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	86.925.213	27.623.688
- Bảo hiểm xã hội	253.398.586	-
- Bảo hiểm y tế	45.742.502	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	19.874.396	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.092.686.650	1.140.686.650
- Phải trả khác Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	5.835.407.671	6.165.297.279
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	556.214.904	613.605.005
	<u>7.890.249.922</u>	<u>7.947.212.622</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.149.558.200	1.429.558.200
- Phải trả lãi vay	1.661.387.982	-
- Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ - Vốn Ngân sách đầu tư ^(*)	20.023.518.102	20.023.518.102
	<u>22.834.464.284</u>	<u>21.453.076.302</u>
c) Phải trả khác là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)</i>	<u>7.496.795.653</u>	<u>6.165.297.279</u>

(*): Khoản phải trả này là khoản nợ còn lại liên quan đến việc nhận bàn giao dự án "Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I".

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số 2, KV Phú Thới, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

19 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2020		Trong kỳ		30/06/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn ⁽¹⁾	221.136.073	221.136.073	-	-	221.136.073	221.136.073
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả						
- Tổng công ty Hàng hải Việt Nam ⁽²⁾	-	-	14.100.000.000	4.700.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000
			14.100.000.000	4.700.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000
	221.136.073	221.136.073	14.100.000.000	4.700.000.000	9.621.136.073	9.621.136.073
b) Vay dài hạn						
- Tổng công ty Hàng hải Việt Nam ⁽²⁾	75.217.321.528	75.217.321.528	-	4.700.000.000	70.517.321.528	70.517.321.528
	75.217.321.528	75.217.321.528	-	4.700.000.000	70.517.321.528	70.517.321.528
	75.217.321.528	75.217.321.528	-	4.700.000.000	61.117.321.528	61.117.321.528

Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng

(1) Khoản vay Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này nhận bàn giao từ khi sáp nhập Cảng Cái Cui vào Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ năm 2013.

(2) Vãn bản nhận nợ số 01/2019 và 02/2020 ngày 30/09/2019 kèm theo phụ lục hợp đồng số 1 với các điều khoản chi tiết sau:

+ Số tiền vay: 75.217.321.528 đồng;

+ Mục đích vay: Vinalines bảo lãnh không hủy ngang cho các nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh từ Hợp đồng Cấp tín dụng dài hạn số 03/2009/HĐTDDH/NHTMCPCTCD-VINALINES ngày 27/10/2009. Khoản vay này để thanh toán các chi phí thực hiện bước 1 theo "Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cảng Cái Cui - giai đoạn II".

+ Thời hạn của hợp đồng: 8 năm

+ Lãi suất cho vay: 4,5%/năm;

+ Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 70.517.321.528 đồng;

+ Các biện pháp bảo đảm tiền vay: thế chấp toàn bộ tài sản và quyền đòi nợ của Cảng Cần Thơ với các hợp đồng kinh tế liên quan đến việc cho thuê kho, bãi, cầu cảng phát sinh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai.

27/06/2020
 ỦY BAN
 TO
 (B) C

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng,
Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

c) Các khoản vay đối với các bên liên quan

	30/06/2020		01/01/2020	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Vay	70.738.457.601	1.661.387.982	75.438.457.601	-
- Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn ⁽¹⁾	221.136.073	-	221.136.073	-
- Tổng công ty Hàng hải Việt Nam ⁽²⁾	70.517.321.528	1.661.387.982	75.217.321.528	-
	70.738.457.601	1.661.387.982	75.438.457.601	-

Mối quan hệ:

(1) Công ty trong cùng tập đoàn

(2) Công ty mẹ

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	275.281.179.597	646.231.180	(19.234.837.974)	256.692.572.803
Lãi trong kỳ trước	-	-	849.453.676	849.453.676
Số dư cuối kỳ trước	275.281.179.597	646.231.180	(18.385.384.298)	257.542.026.479
Số dư đầu năm nay	275.281.179.597	646.231.180	(15.287.846.169)	260.639.564.608
Lãi trong kỳ này	-	-	793.104.563	793.104.563
Số dư cuối kỳ nay	275.281.179.597	646.231.180	(14.494.741.606)	261.432.669.171

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	99,01%	272.566.179.597	99,01%	272.566.179.597
Các cổ đông khác	0,99%	2.715.000.000	0,99%	2.715.000.000
	100%	275.281.179.597	100%	275.281.179.597

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng,
Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	275.281.179.597	275.281.179.597
- Vốn góp đầu kỳ	275.281.179.597	275.281.179.597
- Vốn góp cuối kỳ	275.281.179.597	275.281.179.597
d) Cổ phiếu	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.528.118	27.528.118
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	27.528.118	27.528.118
- Cổ phiếu phổ thông	27.528.118	27.528.118
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.528.118	27.528.118
- Cổ phiếu phổ thông	27.528.118	27.528.118
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	646.231.180	646.231.180
	646.231.180	646.231.180
21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG	30/06/2020	01/01/2020
Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.753,12	1.759,72
22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng	6.576.572.414	7.432.781.859
Doanh thu cung cấp dịch vụ	50.521.595.237	50.485.205.396
	57.098.167.651	57.917.987.255
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	162.778.000	-
23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	6.093.796.258	7.082.183.195
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	37.553.653.792	38.750.955.859
	43.647.450.050	45.833.139.054

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng,
Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	212.666.429	134.911.731
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	72.522.218
	212.666.429	207.433.949
Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	-	72.522.218

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.661.387.982	-
	1.661.387.982	-
Chi phí hoạt động tài chính đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	1.661.387.982	-

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	40.303.546
Chi phí nhân công	248.564.680	218.445.170
Chi phí khấu hao tài sản cố định	87.667.110	105.695.814
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.314.060	76.491.926
Chi phí khác bằng tiền	11.290.819	272.257.382
	399.836.669	713.193.838

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	423.645.492	480.965.216
Chi phí nhân công	6.169.454.991	5.291.548.825
Chi phí khấu hao tài sản cố định	405.209.526	438.818.735
Thuế, phí, lệ phí	61.951.726	51.926.204
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.760.234.390	1.777.612.348
Chi phí khác bằng tiền	1.988.341.231	2.651.937.021
	10.808.837.356	10.692.808.349

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng,
Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	793.104.563	849.453.676
Các khoản điều chỉnh tăng	-	36.831.668
- Chi phí không hợp lệ	-	36.831.668
Các khoản điều chỉnh giảm	(793.104.563)	(886.285.344)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(72.552.218)
- Chuyển lỗ các năm trước	(793.104.563)	(813.733.126)
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	-

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	793.104.563	849.453.676
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	793.104.563	849.453.676
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	27.528.118	27.528.118
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	31

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.709.143.231	4.023.672.853
Chi phí nhân công	16.422.047.813	14.893.958.506
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.957.943.938	8.153.883.085
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.263.516.445	15.757.642.668
Chi phí khác bằng tiền	6.409.676.390	7.291.061.595
	48.762.327.817	50.120.218.707

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng,
Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.677.849.249	-	15.586.510.135	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	43.682.186.014	(6.399.396.318)	44.976.383.500	(6.399.396.318)
Đầu tư ngắn hạn	8.787.350.000	-	8.787.350.000	-
	<u>71.147.385.263</u>	<u>(6.399.396.318)</u>	<u>69.350.243.635</u>	<u>(6.399.396.318)</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			70.738.457.601	75.438.457.601
Phải trả người bán, phải trả khác			33.331.103.295	30.424.077.852
Chi phí phải trả			1.500.996.750	4.244.541.403
			<u>105.570.557.646</u>	<u>110.107.076.856</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng,
Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.677.849.249	-	-	18.677.849.249
Phải thu khách	37.162.304.696	120.485.000	-	37.282.789.696
Các khoản cho vay	8.787.350.000	-	-	8.787.350.000
	64.627.503.945	120.485.000	-	64.747.988.945
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.586.510.135	-	-	15.586.510.135
Phải thu khách	38.456.502.182	120.485.000	-	38.576.987.182
Các khoản cho vay	8.787.350.000	-	-	8.787.350.000
	62.830.362.317	120.485.000	-	62.950.847.317

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng,
Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2020				
Vay và nợ	9.621.136.073	61.117.321.528	-	70.738.457.601
Phải trả người bán, phải trả khác	10.496.639.011	22.834.464.284	-	33.331.103.295
Chi phí phải trả	1.500.996.750	-	-	1.500.996.750
	21.618.771.834	83.951.785.812	-	105.570.557.646
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	221.136.073	75.217.321.528	-	75.438.457.601
Phải trả người bán, phải trả khác	8.971.001.550	21.453.076.302	-	30.424.077.852
Chi phí phải trả	4.244.541.403	-	-	4.244.541.403
	13.436.679.026	96.670.397.830	-	110.107.076.856

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	Cùng tập đoàn

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 19.)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	162.778.000	-
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	162.778.000	-
Chia lợi nhuận	-	72.522.218
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	-	72.522.218
Lãi vay	1.661.387.982	-
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	1.661.387.982	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng,
Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:




	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu khách hàng	14.586.000	119.077.200
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	-	119.077.200
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	14.586.000	-
Ứng trước cho nhà cung cấp	13.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	13.000.000	-
Phải thu khác	3.892.185.443	4.890.286.443
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	-	348.101.000
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	3.892.185.443	4.542.185.443
Phải trả người bán ngắn hạn	87.465.113	-
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	87.465.113	-
Phải trả khác	7.496.795.653	6.165.297.279
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	7.496.795.653	6.165.297.279

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Q. Tổng Giám đốc	115.200.000	115.200.000
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	528.000.000	528.000.000

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

 <hr style="border: 0; border-top: 1px solid black; margin: 5px 0;"/> Thái Thị Mỹ Linh Người lập	 <hr style="border: 0; border-top: 1px solid black; margin: 5px 0;"/> Lâm Trúc Sơn Kế toán trưởng	 <hr style="border: 0; border-top: 1px solid black; margin: 5px 0;"/> Nguyễn Văn Phương Q. Tổng Giám đốc
--	---	---

Cần Thơ, ngày 20 tháng 07 năm 2020